

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính
2. Bà Trần Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: bà Cao Thị Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 532/2023/TLST- HNGĐ ngày 25/10/2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 589/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Cáp Thị N**, sinh năm 1984

HKTT: xóm 1, thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thế T**, sinh năm 1985

HKTT: khu phố 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Cáp Thị N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Thế T tự tìm hiểu, quen biết nhau, đến ngày 12/12/2011 thì đăng kết hôn tại xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống tại thị trấn Long Hải, ông T làm nghề đi biển, còn tôi phụ giúp việc quán ăn. Trong thời gian sống chung, ông T thường xuyên uống rượu, cờ bạc, đi làm đủ tiền trả nợ, không đem tiền về nhà, vợ chồng lời qua tiếng lại thì ông T đánh đập tôi nhiều lần; ông T tính rất cộc cằn, bạo lực nên tôi cảm

thấy rất hoảng sợ, bất an. Tôi chịu đựng sống chung với ông T chỉ 06 tháng thì tôi bỏ trốn về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ giữa năm 2012 đến nay. Từ đó đến nay chúng tôi sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm tới ai, không có tình cảm vợ chồng. Nay tôi tha thiết mong Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông T vì chúng tôi đã không sống với nhau hơn 12 năm, giữa chúng tôi không có cuộc sống vợ chồng từ rất lâu.

- Về con chung: Tôi và ông T trong thời gian chung sống không có con chung. Sau khi chúng tôi ly thân khá lâu, vì mong muốn kiếm con và tôi đã lớn tuổi nên tôi đã cùng người đàn ông khác sinh 01 đứa con trai tên Nguyễn Cáp Trung T, sinh ngày 02/8/2021, mặc dù trong Giấy khai sinh cháu T có thể hiện tên cha là ông Nguyễn Thế T nhưng thực tế cháu T không phải con ruột của ông T, đây con riêng của tôi, tôi là mẹ đơn thân nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con cái.

- Về tài sản chung và nợ chung: quá trình chung sống chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thế T nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không có đơn yêu cầu phản tố, không đến Tòa tham gia hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đều đảm bảo theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cáp Thị N, xét xử cho bà Cáp Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thế T. Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Cáp Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thế T, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại

khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn ông Nguyễn Thế T có Hộ khẩu thường trú tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử... nguyên đơn tham gia và chấp hành đầy đủ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Cáp Thị N và ông Nguyễn Thế T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2011, quyển số 01/2011 ngày 12/12/2011 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân của bà N, ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông bà chung sống thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà N trình bày là vì ông T thường xuyên uống rượu bia, cờ bạc, đi làm đủ tiền trả nợ, không đem tiền về nhà, vợ chồng lời qua tiếng lại thì ông T đánh đập bà N nhiều lần nên sống được với nhau khoảng 06 tháng thì bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông T và bà N đã không chung sống từ giữa năm 2012 đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài một thời gian khá lâu, Tòa án cũng tạo điều kiện để hòa giải nhưng không hàn gắn được chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện cuộc sống chung vợ chồng không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả bà N, ông T đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án làm việc và hòa giải, có thể thấy ông T không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay bà N xác định quan hệ hôn nhân thực tế đã chấm dứt từ lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: bà N khai giữa bà và ông T không có con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày sau khi ly thân với ông T, do bà lớn tuổi và muốn có con nên bà đã kiếm con từ người đàn ông khác để sinh cháu Nguyễn Cáp Trung T (nam), sinh ngày 02/8/2021. Từ trước đến nay cháu T do bà

N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N xác định cháu T là con riêng của bà, không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: bà Cáp Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cáp Thị N đối với ông Nguyễn Thế T về việc “Ly hôn”

- Về quan hệ hôn nhân: bà Cáp Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

- Về con chung: nguyên đơn bà N khai vợ chồng bà không có con chung, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: bà Cáp Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0018902 ngày 25/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/9/2024). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ